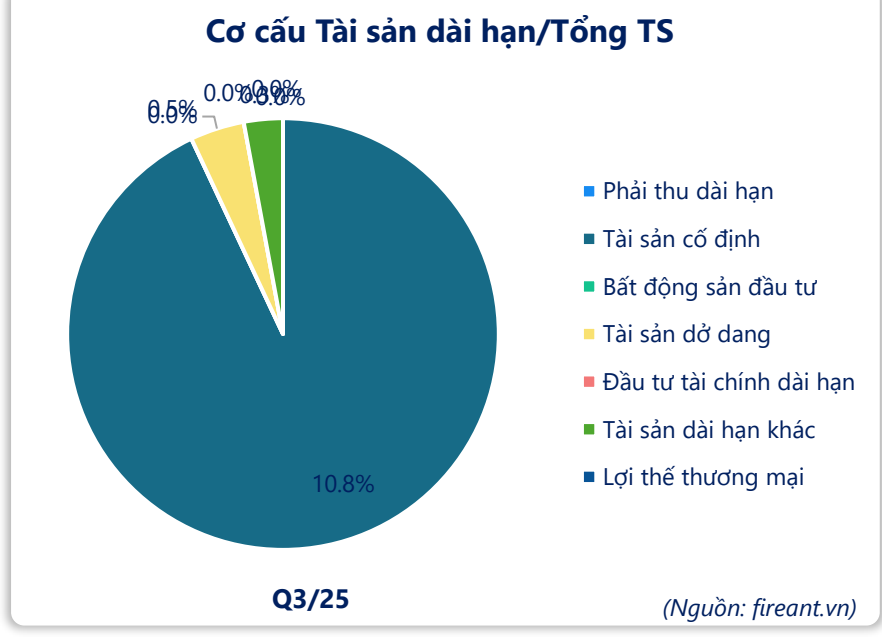
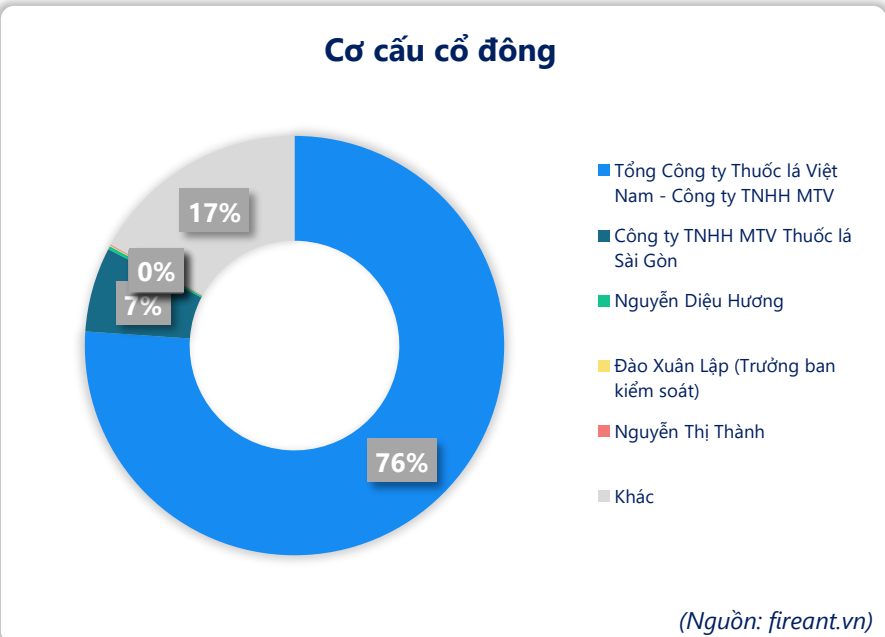
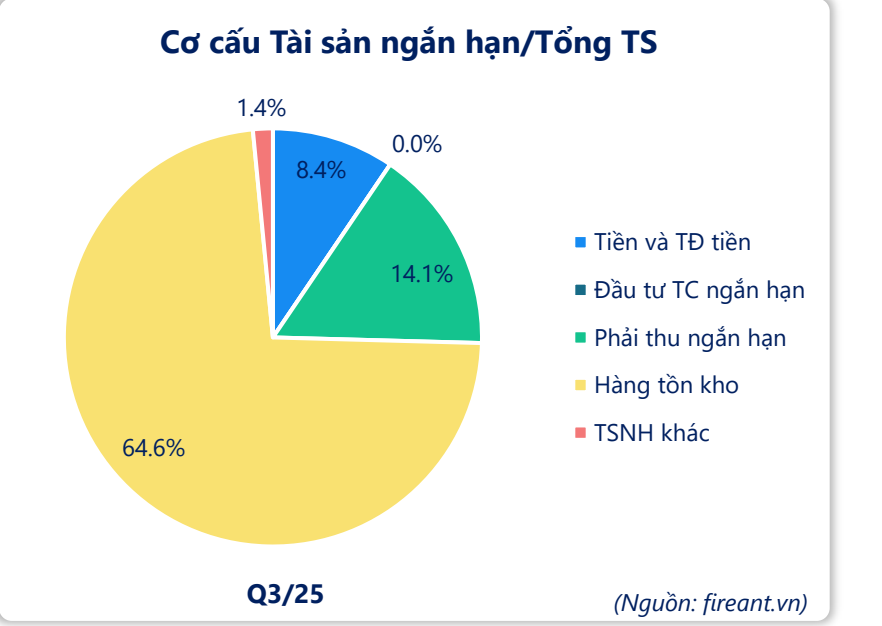
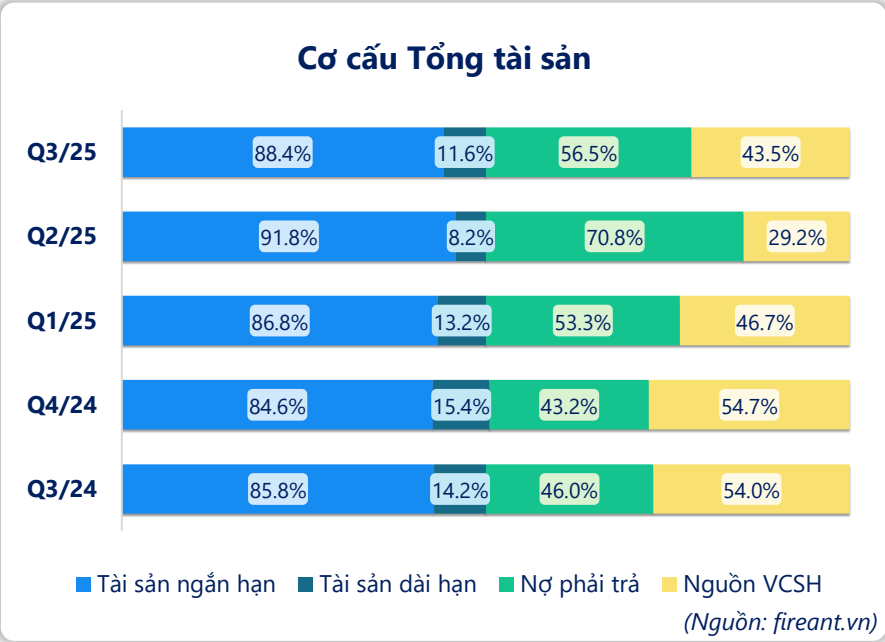
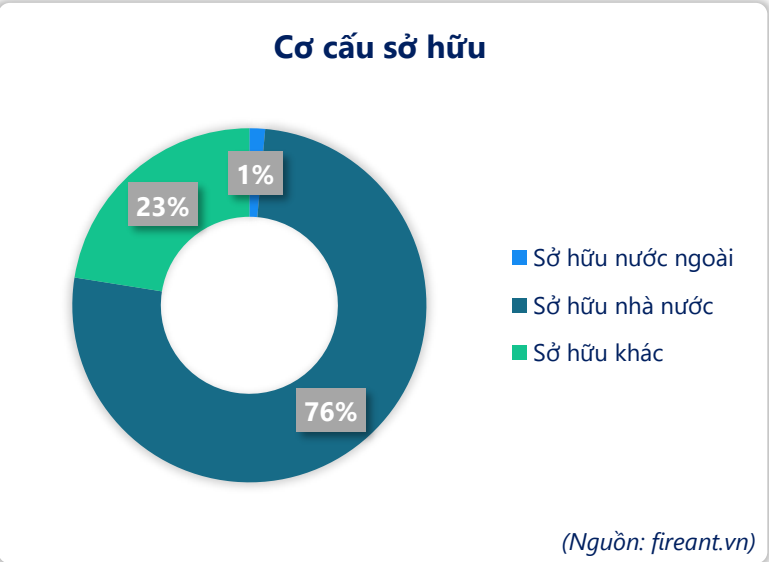
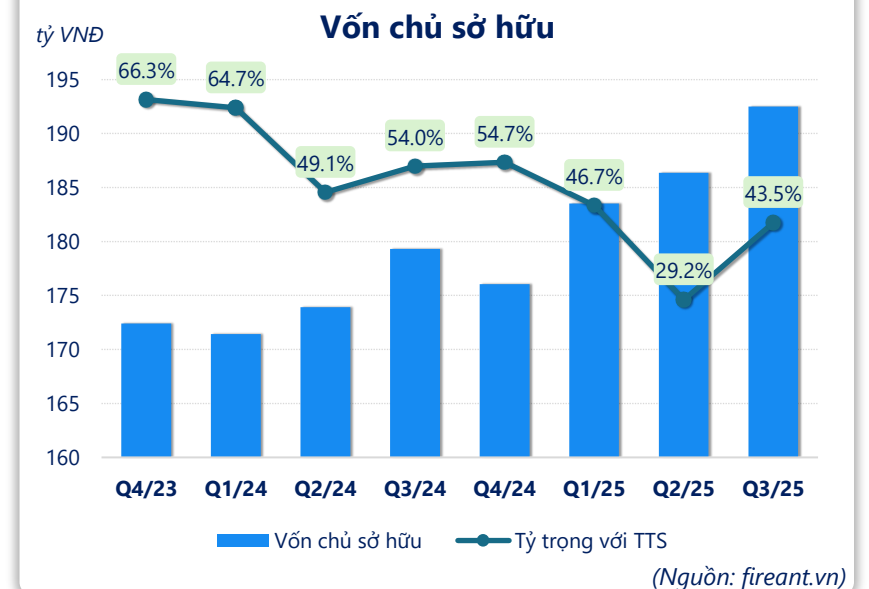
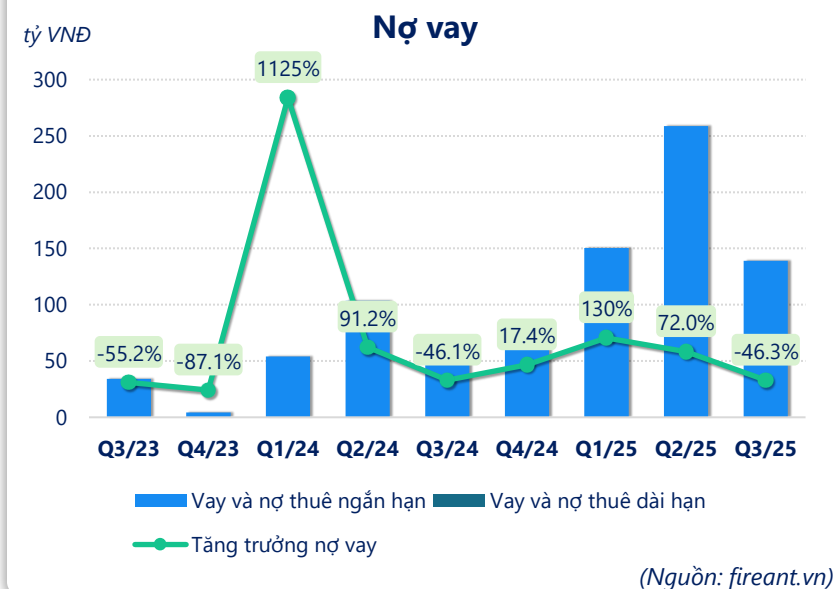
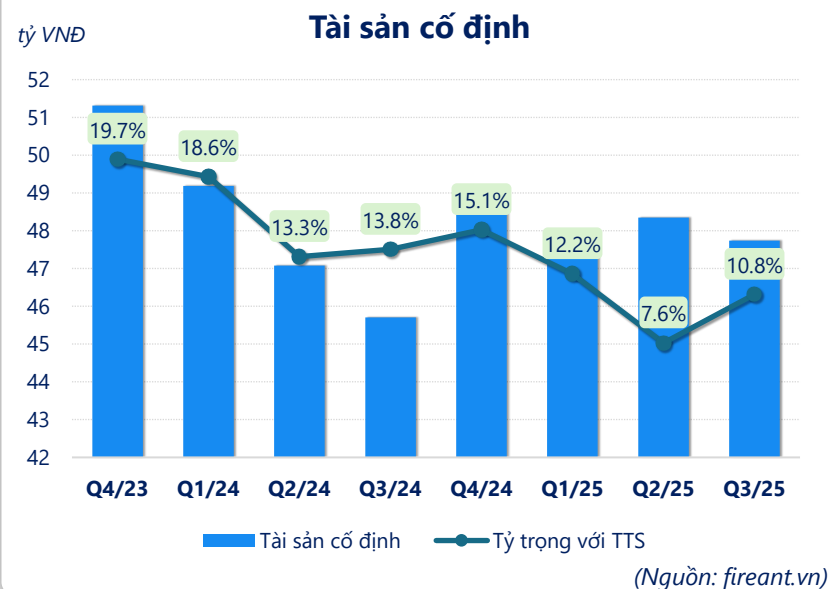
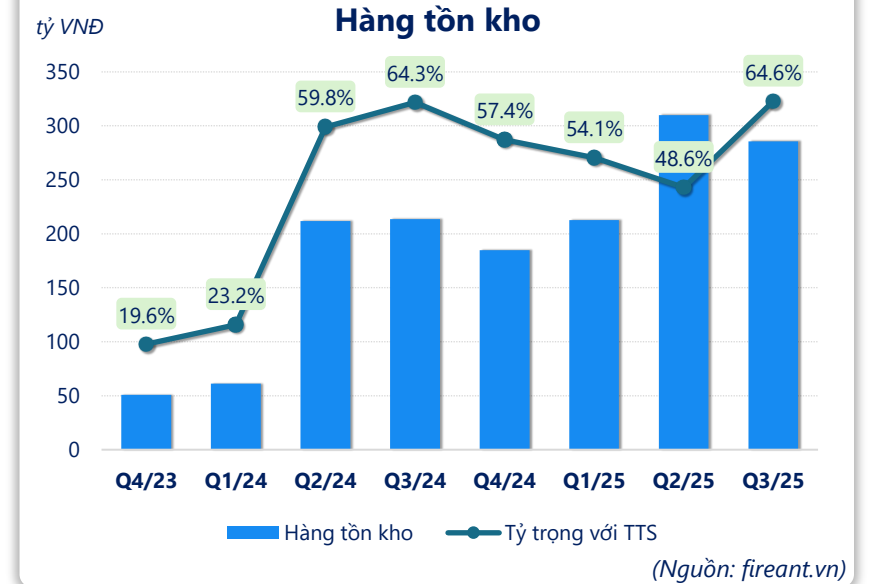
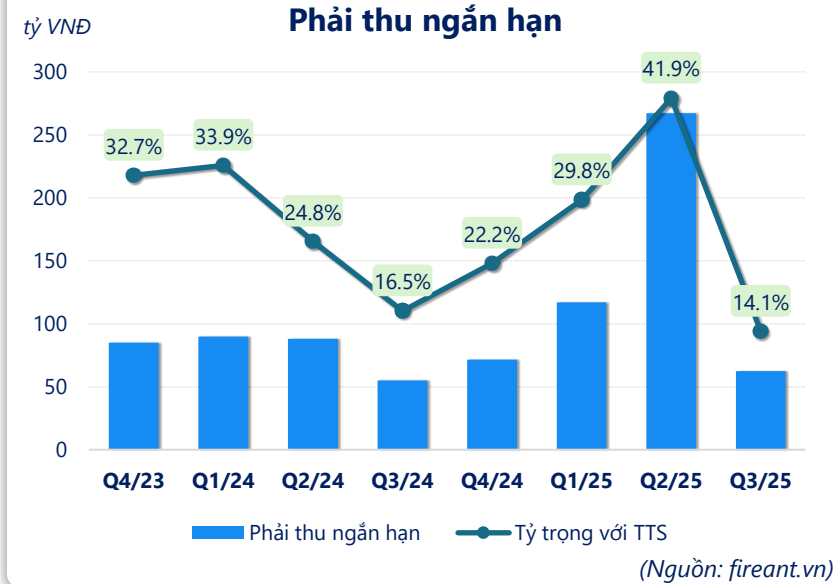
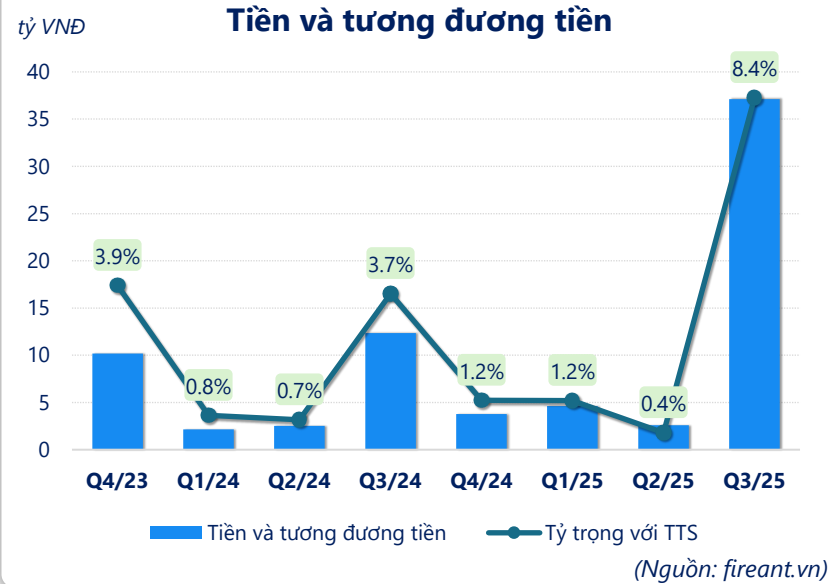
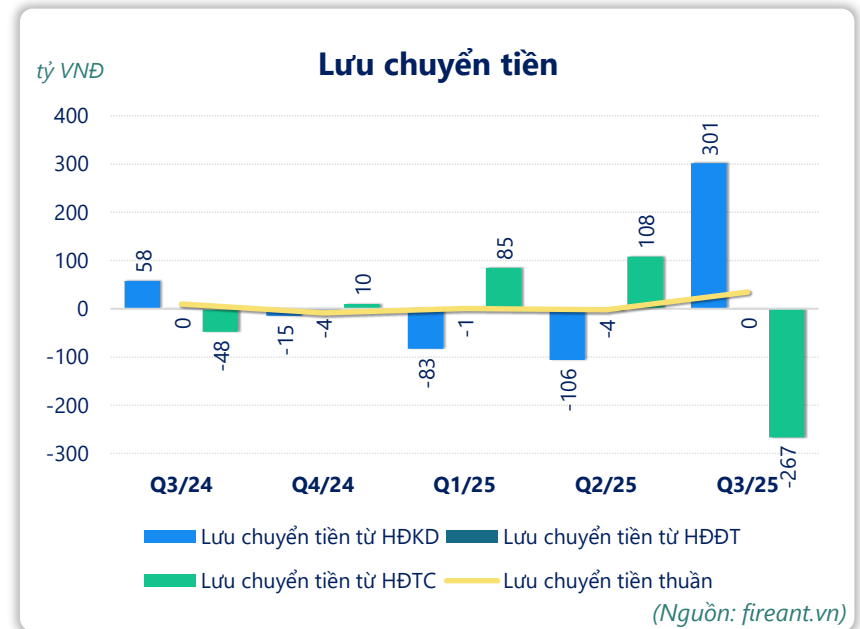
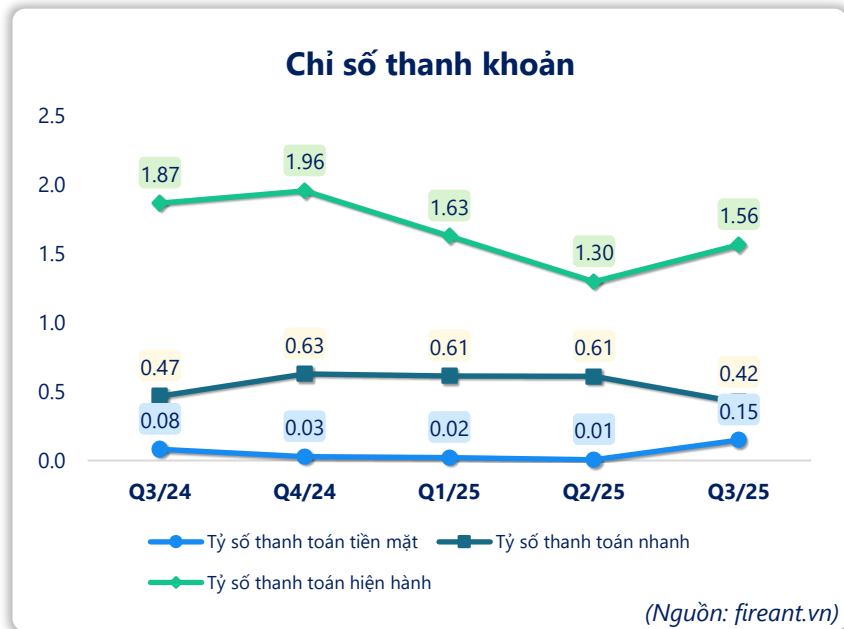
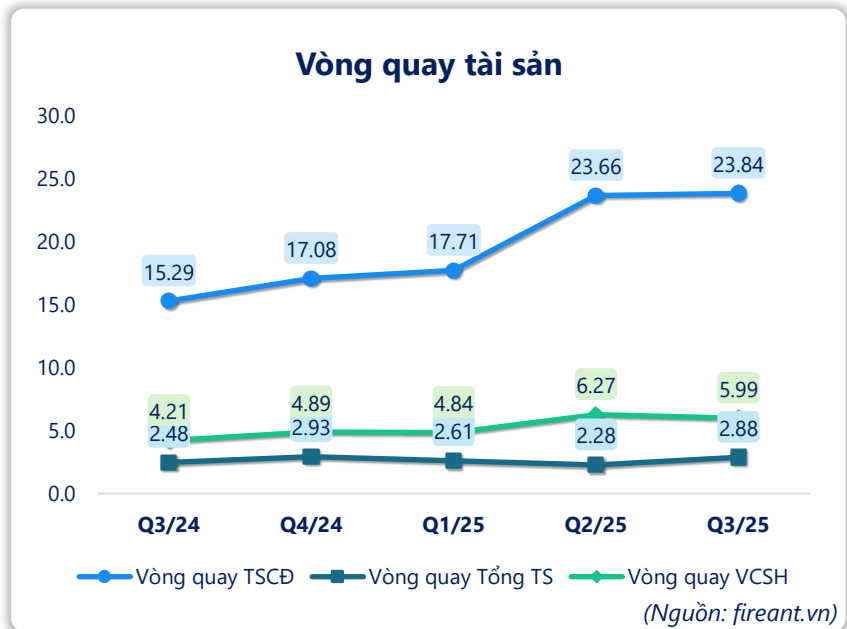
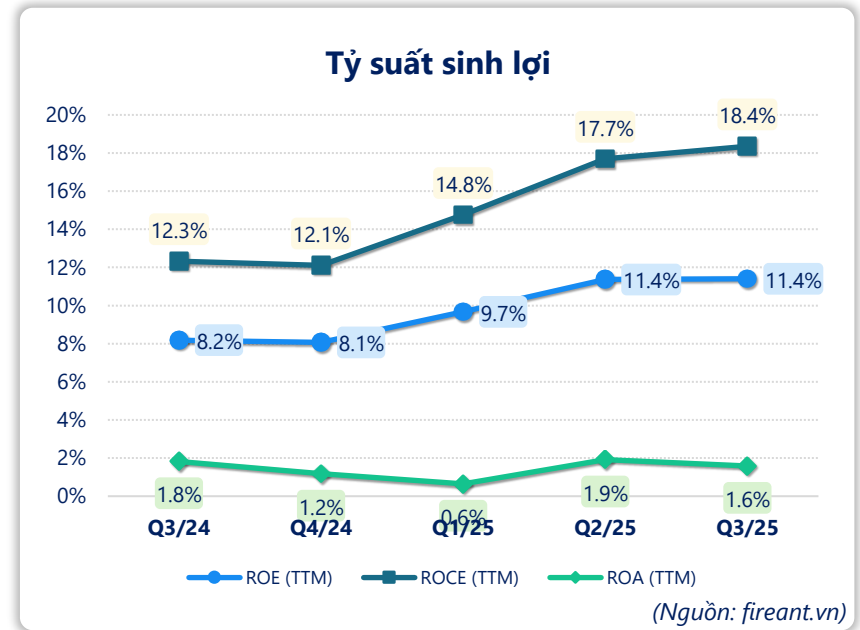
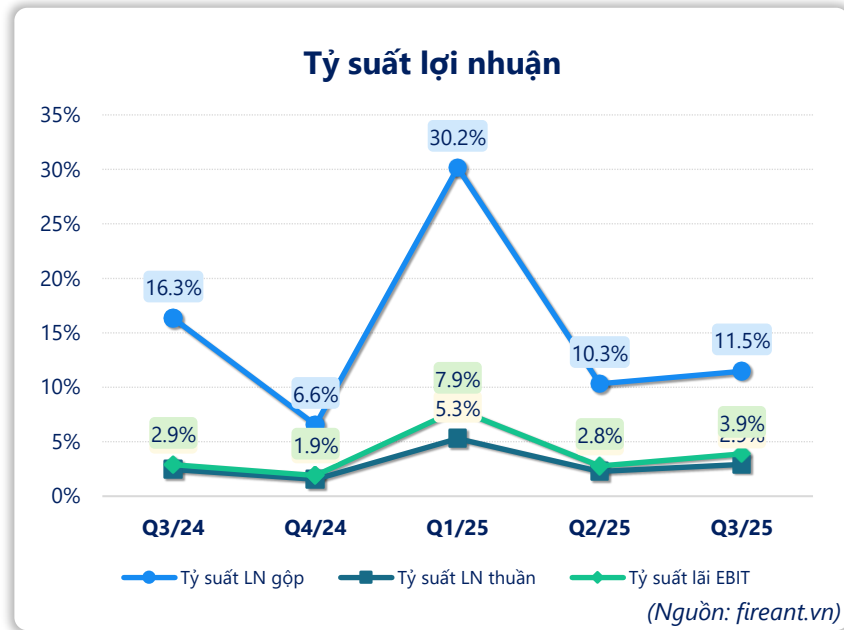
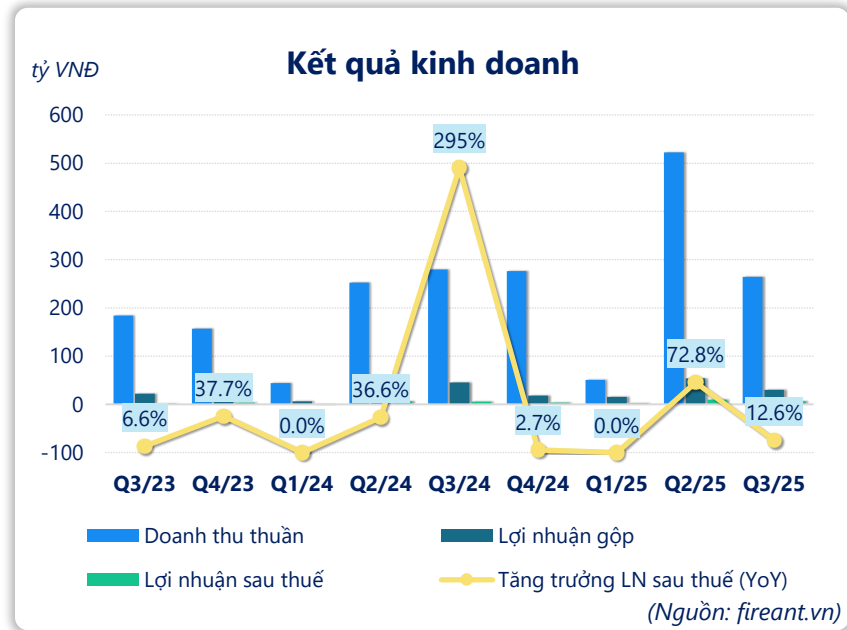


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,700
SL cổ phiếu LH		12,853,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)		100
% sở hữu nước ngoài		1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		95
P/E		4.5
EPS		1,650

	YTD	1T	3T	6T
HJC	29.8%	5.7%	19.4%	7.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	442	316	40.2%
Tài sản ngắn hạn	391	264	48.0%
Tiền và tương đương tiền	37.1	3.79	879%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	62.4	71.5	-12.8%
Hàng tồn kho	286	181	57.7%
Tài sản ngắn hạn khác	6.00	7.76	-22.6%
Tài sản dài hạn	51.3	51.5	-0.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	47.7	48.5	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.08	0.57	267%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.50	2.39	-37.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	250	134	86.1%
Nợ ngắn hạn	250	134	86.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	139	65.4	112%
Phải trả người bán ngắn hạn	35.9	45.1	-20.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	193	181	6.1%
Vốn chủ sở hữu	193	181	6.1%
Vốn điều lệ	129	129	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	280	276	50.4	522	264
Giá vốn hàng bán	234	258	35.2	469	234
Lợi nhuận gộp	45.7	18.1	15.2	53.9	30.3
Doanh thu HĐTC	0.38	0.02	0.01	0.16	0.16
Chi phí TC	1.32	0.80	1.27	2.61	2.61
Chi phí lãi vay	1.28	0.80	1.27	2.61	2.61
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	8.54	4.54	3.35	10.2	14.9
Chi phí QLDN	29.4	8.52	7.91	29.3	5.26
LN thuần từ HĐKD	6.83	4.29	2.66	11.9	7.71
Lợi nhuận khác	-0.03	0.16	0.06	0.01	-0.01
LN trước thuế	6.80	4.45	2.73	12.0	7.70
Lợi nhuận sau thuế	5.41	3.42	2.13	9.51	6.14
LNST của CĐ cty mẹ	5.41	3.42	2.13	9.51	6.14

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	57.9	-14.6	-83.0	-106	301
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.37	-3.69	-1.10	-3.99	-0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-47.7	9.68	84.9	108	-267
Tiền đầu kỳ	2.52	12.3	3.79	4.61	2.58
Lưu chuyển tiền thuần	9.83	-8.56	0.82	-2.03	34.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.3	3.79	4.61	2.58	37.1

(Nguồn: fireant.vn)